

Bản án số: 89/2025/DS-PT

Ngày: 27/02/2025

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 672/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2025/QĐXXPT-DS ngày 04/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ú là chị Đỗ Thị Ngọc O, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Võ Văn C, sinh năm 1959;

2.2 Bà Dương Thị N (vợ ông C), sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật là ông Huỳnh Văn N1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Có mặt tại phiên tòa: Ông Võ Văn C, bà Dương Thị N; chị Đỗ Thị Ngọc O, ông Huỳnh Văn N1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Đỗ Thị Ngọc O đại diện theo ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Ú trình bày: Vào năm 2021 chị Nguyễn Thị M (Chị ruột anh Ú) có tặng cho anh Ú phần diện tích đất 712,0m² thuộc thửa 3142, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T đến ngày 31/5/2021 anh Ú được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Do anh Ú đi làm ăn xa nên ông C, bà N có cất trại chăn nuôi vịt lán qua một phần diện tích đất của anh Ú. Qua nhiều lần động viên thì ông C, bà N đồng ý di dời nhưng sau đó lại không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện thì anh Ú yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn C, bà Dương Thị N trả diện tích đất lán chiếm 18,4m² thuộc một phần thửa 3142, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T và tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất.

Nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ được biết phần diện tích tranh chấp là 21,4m² nên anh Ú khởi kiện bổ sung yêu cầu ông C, bà N trả 21,4m², tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất và yêu cầu Tòa án công nhận phần diện tích đất 6,0m² thuộc một phần thửa 2799 là của anh Ú để anh Ú đăng ký hợp thửa với thửa 3142 liền kề. Được biết phần đất tranh chấp này chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh Ú nhưng phần đất này từ trước đến nay do cha mẹ của anh Ú khai phá sau đó cha mẹ mới cho chị M và sau này chị M cho lại anh Ú. Từ trước đến nay phần đất này đều do gia đình anh Ú quản lý, sử dụng trồng lúa sau này Nhà nước mở đường nên chia cắt làm hai phần nên không làm ruộng được, anh Ú mới đổ đất định cất nhà nhưng chưa cất thì bà N, ông C thấy đất trống vô cất lán qua phần đất của anh Ú. Bà N, ông C không phải dân địa phương sinh sống lâu năm mà khi Nhà nước mở cụm dân cư thì bà N, ông C mới về sinh sống trong cụm dân cư gần phần đất tranh chấp.

- Bà Dương Thị N đồng thời bà N đại diện theo ủy quyền cho ông Võ Văn C trình bày: Qua yêu cầu của anh Ú thì bà N không đồng ý. Bà N cho rằng phần đất này là của Nhà nước. Nhà nước cần thì bà và ông C trả lại cho Nhà

nước, còn trả cho anh Ú là bà N không thống nhất. Từ năm 2016 cho đến nay bà N cất trại trên phần đất tranh chấp nếu nói đất của anh Ú thì tại sao anh Ú không ngăn cản. Còn nếu Tòa án giải quyết là đất của anh Ú thì bà N sẽ tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên đất tranh chấp, không yêu cầu bồi thường gì cả. Còn nếu là đất của Nhà nước thì bà N, ông C sử dụng khi nào Nhà nước cần thì bà N trả lại.

- Ủy ban nhân dân huyện T trình bày: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, Ủy ban nhân dân Huyện đã cung cấp những thông tin, tài liệu, chứng cứ để phục vụ công tác xét xử, cũng như để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình theo đúng quy định. Đến nay, Ủy ban nhân dân Huyện giữ nguyên những thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Tòa án. Do bận nhiều công việc cơ quan; Ủy ban nhân dân Huyện xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc; các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; phiên xét xử sơ thẩm, phúc thẩm của Tòa án trong vụ kiện này.

Ngoài ra trong suốt khoảng thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên Tòa sơ thẩm thì bà N, ông C và chị O (đại diện cho anh Ú) đã thỏa thuận được các nội dung sau:

1. Đối với phần đất cát mà bà N đã đổ vào phần diện tích tranh chấp 21,4m² thì bà N, ông C và anh Ú thống nhất: Để Tòa án giải quyết nếu là đất công của Nhà nước thì để cho Nhà nước, nếu là đất của anh Ú thì anh Ú được toàn quyền sử dụng. Bà N, ông C không yêu cầu bồi thường.

2. Còn giá trị đất tranh chấp và giá trị nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích đất tranh chấp thì bà N, ông C và chị O thống nhất thỏa thuận như sau:

- Đối với giá trị đất đang tranh chấp có giá trị chuyển nhượng tại thời điểm thị trường hiện nay là: 600.000đồng/01m².

- Đối với nhà, vật kiến trúc trên đất tranh chấp 21,4m² có giá trị tổng cộng là 10.000.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Ú.

Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích 21,4 m² thuộc một phần thửa 2799 (bản đồ 299), tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để trả lại diện tích 21,4m² cho anh Nguyễn Văn Ú, có vị trí tứ cận như sau:

- H giáp diện tích đất 6,0m² thuộc thửa 2799 và đất thuộc thửa 3142 có chiều dài 3,60 mét từ mốc M2 đến mốc M3.

- Hướng Tây giáp phần đất thuộc thửa 2799 còn lại (hiện bà N đang quản lý, sử dụng) có chiều dài 3,70 mét từ mốc M1 đến mốc M4.

- Hướng Nam giáp đường nhựa đất công có chiều dài 5,60 mét từ mốc M3 đến mốc M4.

- Hướng Bắc giáp đất ông Tám S có chiều dài 6,23 mét từ mốc M1 đến mốc M2.

(Có sơ đồ đo đạc và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ kèm theo).

Anh Nguyễn Văn Ú được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất diện tích 21,4m² và diện tích 6,0m² thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C liên đới trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú 4.588.650 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị N, ông Võ Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà N, ông C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú tổng số 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0010963 ngày 25/10/2023; 0010170 ngày 30/7/2024 và biên lai thu số 0010235 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/2024, ông Võ Văn C và bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm do gia đình ông C, bà N ở trên đất Nhà nước địa chính tỉnh Đồng Tháp có đo đạc cắm cột mốc.

- Tại phiên tòa phúc thẩm

Ông Võ Văn C và bà Dương Thị Niệu G nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị Đỗ Thị Ngọc O có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời chị không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông C, bà N; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên yêu cầu bản án dân sự sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn C và bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của TAND huyện Tân Hồng do gia đình ông C, bà N ở trên đất nhà nước địa chính tỉnh Đồng Tháp có đo đạc cắm cột mốc. Nhận thấy:

Anh Ú cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 21,4m² thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Ú nhưng phần đất này từ trước đến nay do cha mẹ của anh Ú là ông Nguyễn Văn S1 (chết năm 1992) và bà Bùi Thị N2 (chết 2018) khai phá sau đó cha mẹ mới cho bà M và sau này bà M cho lại anh Ú. Từ trước đến nay phần đất này đều do gia đình anh Ú quản lý, sử dụng trồng lúa sau này Nhà nước mở đường nên chia cắt làm hai phần nên không làm ruộng được, anh Ú mới đổ đất định cất nhà nhưng chưa cất thì bà N, ông C thấy đất trống vô cát lấn qua phần đất của anh Ú.

Theo lời khai của những người làm chứng gồm ông Trần Văn H, ông Lê Văn S2 là những người dân sinh sống tại địa phương lâu năm có phần đất giáp ranh với phần đất tranh chấp hiện nay đều xác định phần diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ anh Ú khai phá, sử dụng từ trước đến nay. Còn riêng đối với bà N, ông C thì không có phần đất nào gần phần đất tranh chấp mà khi Nhà nước mở cụm dân cư thì bà N, ông C mới về sinh sống tại một nền nhà trong cụm. Bà N, ông C thấy đất trống mới ra che mái trại rồi để đó.

Ông C và bà N thừa nhận phần đất tranh chấp không phải là đất của của

ông C, bà N. Năm 2016, thấy đất trống nên ông C, bà N cất trại nuôi gà vịt nhưng ông bà cho rằng phần đất tranh chấp là của Nhà nước nên không đồng ý trả lại cho anh Ú.

Theo Công văn số: 295/UBND-NC ngày 17/7/2024, của UBND huyện T cung cấp thông tin: “Phần diện tích đất tranh chấp 21,4 m², theo sơ đồ đo đạc số 21/SĐĐĐ ngày 30/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đối chiếu với bản đồ 299 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4 không phải là đất công”.

Tại Công văn số: 294/UBND-HC ngày 23/8/2024, của UBND xã T cung cấp thông tin: “Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra rà soát sổ mục kê đất đai tại UBND xã quản lý hiện tại thửa đất số 2799, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299) diện tích 21,4m² chưa ai đăng ký (còn trống)”.

Như vậy, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích 21,4m² không phải là đất công, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, có nguồn gốc đất là của cha mẹ của anh Ú khai phá, sử dụng lâu năm do đó việc anh Ú yêu cầu bà N, ông C trả lại diện tích 21,4m², tháo dỡ nhà vật kiến trúc trên đất là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Ú là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của ông Võ Văn C và bà Dương Thị N là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 50/2024/DS-ST ngày 30/9/2024, của TAND huyện Tân Hồng.

Về án phí đề nghị tuyên đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ Văn C và bà Dương Thị N kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[2]. Ông Võ Văn C và bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm do gia đình ông C, bà N ở trên đất Nhà nước địa chính tỉnh Đồng Tháp có đo đạc cắm cột mốc.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đất tranh chấp thuộc thửa đất số 2799, tờ bản đồ số 4 lời khai của những người làm chứng gồm ông Trần Văn H, anh Lê Văn S2 là những người dân sinh sống tại địa phương xác định phần diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ anh Ú khai phá, sử dụng từ trước đến nay, lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của anh Ú. Đồng thời tại Công văn số: 294/UBND-HC ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã T cung cấp thông tin: “Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra rà soát sổ mục kê đất đai tại UBND xã quản lý hiện tại thửa đất số 2799, tờ bản đồ số 4 (bản đồ 299) diện tích 21,4m² chưa ai đăng ký (còn trống)” và Công văn số: 295/UBND-NC ngày 17/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện T xác định: Phần diện tích đất tranh chấp 21,4m², theo sơ đồ đo đạc số 21/SĐĐĐ ngày 30/03/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện T đối chiếu với bản đồ 299 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4 không phải là đất công. Do đó ông C, bà N cho rằng phần đất tranh chấp là đất công của Nhà nước là không có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm ông C, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, bà N.

[3]. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm khi tuyên án trong phần quyết định của bản án chưa rõ ràng, cụ thể khó thi hành. Ngày 25/02/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Công văn số 246A/TA-DS gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T về việc bổ sung mốc giới của diện tích 6m² thuộc một phần thửa 2799 để có cơ sở ghi nhận trong bản án tránh vướng mắc trong quá trình thi hành bản án sau này nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm chỉ điều chỉnh cách tuyên án là đủ.

[4]. Xét lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, bà N; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C và bà Dương Thị N không được chấp nhận nên ông C, bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông C, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn C, bà Dương Thị N sửa bản án sơ thẩm do gia đình ông C, bà N ở trên đất Nhà nước, địa chính tỉnh Đồng Tháp có đo đạc cắm cột mốc.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Ú.

Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C tháo dỡ nhà, vật kiến trúc trên phần diện tích 21,4 m² nằm trong phạm vi các mốc: M1, M2, M3, M4 về M1, thuộc một phần thửa 2799 (bản đồ 299), tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp để trả lại diện tích 21,4m² cho anh Nguyễn Văn Ú quản lý, sử dụng.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc cùng ngày 30/3/2023 và sơ đồ đo đạc bổ sung ngày 26/02/2025).

Anh Nguyễn Văn Ú được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất diện tích 21,4m² và diện tích 6,0m² nằm trong phạm vi các mốc: M2, M3, M9, M10 về M2 thuộc một phần thửa 2799, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Dương Thị N, ông Võ Văn C liên đới trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú 4.588.650 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Dương Thị N, ông Võ Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng do bà N, ông C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn Ú tổng số 900.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0010963 ngày 25/10/2023; 0010170 ngày 30/7/2024 và biên lai thu số 0010235 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn C và bà Dương Thị N được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm số 50/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT và THA TAT;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước

